TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2020
V/v ”Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà: Vũ Thị Hòa.
2. Ông Nguyễn Thành Thái.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Thế Trung-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh-Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1986.
Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Tự do.
Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ (Nay tổ 4, phường D), thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị Kiều Ch1, sinh năm 1994.
Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Tự do.
Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ (Nay tổ 4, phường D), thành phố L, tỉnh Lào Cai.
Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16 tháng 4 năm 2020, bản tự khai của anh Nguyễn Văn Ch và chị Đỗ Thị Kiều Ch1 trình bày nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Ch và chị Đỗ Thị Kiều Ch1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 02 năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã Đ,

thành phố L, tỉnh Lào Cai. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Thời gian từ năm 2016 đến nay vợ chồng không sống chung, không ai quan tâm trách nhiệm đến ai. Anh Ch xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị Ch1 nhất trí.

Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn Ch, chị Đỗ Thị Kiều Ch1 xác định có 01 con chung, cháu Nguyễn Đỗ Thanh Tr, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2013. Anh Ch, chị Ch1 đều đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Tr cho anh Ch được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ch1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng.

Về quan hệ tài sản chung: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Ch như sau: Tuyên xử anh Nguyễn Văn Ch được ly hôn với chị Đỗ Thị Kiều Ch1. Giao cháu Nguyễn Đỗ Thanh Tr cho anh Ch quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Đỗ Thị Kiều Ch1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, số tiền là 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Ch và chị Đỗ Thị Kiều Ch1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Ch và chị Đỗ Thị Kiều Ch1 theo quy định Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Ch và chị Đỗ Thị Kiều Ch1 tự nguyện đăng ký kết kết hôn ngày 23 tháng 12 năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố L, tỉnh Lào Cai là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh, chị đều thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến không

sống chung từ năm 2016 đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm nên chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Ch là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung và quyền trực tiếp nuôi con: Anh Nguyễn Văn Ch và chị Đỗ Thị Kiều Ch1 xác định có 01 con chung, cháu Nguyễn Đỗ Thanh Tr, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2013. Hội đồng xét xử nhận định anh Ch, chị Ch1 tự nguyện thống nhất giao con chung cháu Nguyễn Đỗ Thanh Tr cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa anh Ch nghề nghiệp, thu nhập hàng tháng ổn định có khả năng điều kiện, đảm bảo cuộc sống của bản thân, nuôi con chung và phù hợp nguyện vọng của cháu Trúc. Do vậy, có căn cứ giao con chung cháu Tr cho anh Ch nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Ch và chị Ch1 thống nhất chị Ch1 cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Xét thấy anh Ch và chị Ch1 tự nguyện thống nhất thỏa thuận phù hợp quy định pháp luật. Do vậy, có căn cứ buộc chị Ch1 cấp dưỡng hàng tháng nuôi con chung, số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là phù hợp đảm bảo quyền lợi cho con chung.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, chị Đỗ Thị Kiều Ch1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Ch được ly hôn chị Đỗ Thị Kiều Ch1.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Đỗ Thanh Tr, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2013 cho anh Nguyễn Văn Ch quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Đỗ Thị Kiều Ch1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Đỗ Thanh Tr hàng tháng, số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Văn Ch có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng chị Đỗ Thị Kiều Ch1 phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Ch phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do anh Nguyễn Văn Ch đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0008233 ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai.

Buộc chị Đỗ Thị Kiều Ch1 phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TP;
- Chi cục THADS TP;
- Đương sự;
- STP;
- UBND xã Đ,
thành phố L, tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ;

Nguyễn Thái Hà